TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1014/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25-9-2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

– ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Kim Hoa
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

– ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

– ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh*** *tham gia phiên tòa:* Ông Đồng Văn Nam – Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 345/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 231/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 207/2019/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Vũ Thị H**, sinh năm: 1989
Địa chỉ: Nhà không số, tổ X, ấp Y, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm: 1983
Địa chỉ: Nhà không số, tổ X, ấp Y, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/02/2019 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Vũ Thị H trình bày:

Bà H và ông Nguyễn Văn D tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2012, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, quận N,

Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 232, quyển số 01 cấp ngày 11/10/2012. Thời gian đầu, cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc, nhưng đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do ông D hay ghen tuông, thường hay nhậu nhẹt về đánh đập vợ con; không quan tâm, chăm lo đến gia đình nên dẫn đến vợ chồng gây gỗ, tình cảm ngày càng phai nhạt, không còn hạnh phúc. Cuộc sống đã quá sức chịu đựng nên bà H và ông D sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay bà H nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông D.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Thanh T, sinh ngày 24/02/2015 (Giới tính: Nữ). Khi ly hôn, bà H yêu cầu được nuôi con; không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn D: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định; nhưng ông D vắng mặt không có lý do, không thể hiện ý kiến của mình bằng bất cứ văn bản nào nên vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

– Về tố tụng:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định về việc xét xử sơ thẩm vụ án và về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

– Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Vũ Thị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn D; bị đơn đăng ký tạm trú tại xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a

khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa:

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn ông Nguyễn Văn D vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Nguyên đơn bà Vũ Thị H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ vợ chồng: Bà H và ông D tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 232, quyển số 01 cấp ngày 11/10/2012; do đó có cơ sở xác định hôn nhân giữa bà H và ông D là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H xác định giữa bà và ông D mâu thuẫn trầm trọng do ông D có tính hay ghen tuông, thường hay nhậu nhẹt về đánh đập vợ con; không quan tâm, chăm lo đến gia đình, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, vì vậy bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông D. Căn cứ vào kết quả trả lời xác minh về tình trạng hôn nhân của Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà H và ông D hiện không còn chung sống với nhau, quá trình chung sống hai bên có phát sinh mâu thuẫn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà H và ông D đã từ lâu hai bên ít còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Mặt khác, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa xét xử ông D vẫn vắng mặt, điều này chứng tỏ giữa hai người đã không còn liên lạc, quan tâm gì đến nhau; tình cảm vợ chồng đã không còn, cả hai không có thiện chí đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà Vũ Thị H đối với ông Nguyễn Văn D là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] Về con chung, bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Thanh T, sinh ngày 24/02/2015; không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay trẻ T đang sinh sống cùng với bà H, việc chăm sóc, nuôi dưỡng do bà H trực tiếp trông nom, nuôi dạy trẻ nên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà H là cơ sở, giao trẻ T cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con mặc dù bà H không yêu cầu nhưng đây là quyền lợi của trẻ, vì vậy Hội đồng xét xử xét tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ T đối với ông D.

[3.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 8; Điều 9; Điều 51; Điều 56, 57, 58; Điều 69; Điều 71; Điều 81, 82, 83, 84; Điều 107; Điều 110; Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

I. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Vũ Thị H đối với bà Nguyễn Văn D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 232, quyển số 01 đăng ký ngày 11tháng 10 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân phường M, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Vũ Thị H và ông Nguyễn Văn D không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Thanh T, sinh ngày 24/02/2015 (Giới tính: Nữ) cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông D khi có đơn yêu cầu.

Ông Nguyễn Văn D có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung khi cần thiết có thể xin thay đổi nuôi con hoặc đóng góp mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà H xác nhận không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Vũ Thị H chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0015412 ngày 10/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

II. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H. B;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tuấn Khương